TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2018
V/v tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Diệu

Ông K'Mák

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Chu Thị Kim B –sinh năm: 1968

Trú tại: Thôn A – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Số Q – ấp Ch – xã T– huyện H – thành phố Hồ Chí Minh.

(bà B có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Văn Tiến D – sinh năm: 1963

Trú tại: Thôn A – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2017, ngày 21 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị Kim B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D tự nguyện tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng, có tổ chức đám cưới và chung sống từ thời điểm đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, ông D không tu chí làm ăn lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên rượu chè về chửi bới vợ con, không quan tâm chăm sóc vợ con. Đã nhiều lần bà B khuyên nhủ nhưng ông D tính tình vẫn không thay đổi và vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và hai bên gia đình đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nhưng hòa giải không được. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ năm 2011 đến nay vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Chu Thị Kim B yêu cầu được ly hôn với ông Văn Tiến D. Bà Chu Thị Kim B không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D hơn nữa bà B cũng không cung cấp được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng về việc đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D nên tại phiên tòa bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện bà B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D sinh được 03 con chung là Văn Thị Như Q – sinh ngày 16/5/1990, Văn Viết V – sinh ngày 02/02/1993 và Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011. Bà B yêu cầu được nuôi 01 con chung là Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011 và bà B không yêu cầu ông Văn Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung Văn Kiến V, bà B không có yêu cầu gì đối với hai con chung đã thành niên là Văn Thị Như Q – sinh ngày 16/5/1990 và Văn Viết V – sinh ngày 02/02/1993.

- Về tài sản chung: Bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D có tài sản chung nhưng bà Chu Thị Kim B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông Văn Tiến D về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông D và cũng không tiến hành hoà giải được.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Văn Tiến D vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chu Thị Kim B thay đổi yêu cầu khởi kiện về hôn nhân bà B yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B với ông D; về con chung: bà B yêu cầu được nuôi một con chung là Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011 và bà B không yêu cầu ông Văn Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung Văn Kiến V, bà B không có yêu cầu gì đối với hai con chung đã thành niên là Văn Thị Như Q – sinh ngày 16/5/1990 và Văn Viết V – sinh ngày 02/02/1993; về tài sản chung: bà B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; về nợ chung: không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên đề nghị tòa án xác định quan hệ tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn; đánh giá nguyên đơn bà Chu Thị Kim B chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Văn Tiến D không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như không đến tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Kim B, căn cứ Điều 09, 14, 15, 81 của Luật hôn nhân và gia đình về hôn nhân: đề nghị xử không công nhận vợ chồng giữa bà B và ông D. Về con chung: Giao một con chung là Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011 cho bà Chu Thị Kim B nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của bà B về việc không yêu cầu ông Văn Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung Văn Kiến V, bà B không có yêu cầu gì đối với hai con chung đã thành niên là Văn Thị Như Q – sinh ngày 16/5/1990 và Văn Viết V – sinh ngày 02/02/1993 nên đề nghị không xem xét.Về tài sản chung: Bà B trình bày bà B và ông D có tài sản chung nhưng bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà B trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà B phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Theo thông báo về việc thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định vụ án tranh chấp ly hôn, tuy nhiên hồ sơ vụ án không có giấy chứng nhận kết hôn và không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng về việc đã cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định lại đây là vụ án tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Văn Tiến D có nơi cư trú tại thôn A – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Văn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Chu Thị Kim B trình bày bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đã đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng và chung sống với nhau từ thời điểm đăng ký kết hôn, từ năm 2011 đến nay bà B và ông D không còn chung sống cùng nhau. Theo biên bản xác minh ngày 21/3/2018 của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thì bà B đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2011, bà B và ông D đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Bà Chu Thị Kim B không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D do Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D hơn nữa bà B cũng không cung cấp được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng về việc đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Văn Tiến D cũng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D do Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D hơn nữa ông D cũng không cung cấp được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng về việc đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D. Đồng thời theo văn bản số 34/UBND ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã H - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng cung cấp cho Tòa án như sau Ủy ban nhân dân xã H đã tiến hành kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn lưu trữ tại địa phương. Kết quả như sau:

Sổ đăng ký kết hôn hiện đang lưu tại Ủy ban nhân dân xã H không có lưu trữ thông tin đăng ký kết hôn của ông Văn Tiến D – sinh năm: 1963 và bà Chu Thị Kim B – sinh năm: 1968. Qua xác minh được biết ông Văn Tiến D và bà Chu Thị Kim B có chung sống với nhau như vợ chồng tại địa phương từ năm 1989 còn ngày tháng cụ thể thì không xác định định được. Như vậy, có cơ sở khẳng định được ông Văn Tiến D và bà Chu Thị Kim B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 mà không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện về hôn nhân bà B yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông D.

Vì vậy, căn cứ vào các Điều 09, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Chu Thị Kim B, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Chu Thị Kim Bvà ông Văn Tiến D là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà B cũng như tài liệu, chứng có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử xác định bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D trong quá trình chung sống sinh được 03 con chung là Văn Thị Như Q – sinh ngày 16/5/1990, Văn Viết V – sinh ngày 02/02/1993 và Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011. Bà B có nguyện vọng được nuôi một con chung là Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011, bà B không có yêu cầu gì đối với hai con chung đã thành niên là Văn Thị Như Q – sinh ngày 16/5/1990 và Văn Viết V – sinh ngày 02/02/1993.

Xét thấy hiện nay bà B có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Kể từ khi bà B, ông D không còn sống chung từ năm 2011 đến nay bà B là người trực tiếp nuôi con chung Văn Kiến V. Thực tế hiện nay con chung Văn Kiến V sống cùng bà B tại xã T – huyện H – thành phố Hồ Chí Minh đang được đi học và vẫn phát triển tốt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của con chung căn cứ vào các Điều 15, 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011 cho bà Chu Thị Kim B được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

Bà B không có yêu cầu gì đối với hai con chung đã thành niên là Văn Thị Như Q – sinh ngày 16/5/1990 và Văn Viết V – sinh ngày 02/02/1993 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Chu Thị Kim B không yêu cầu ông Văn Tiến D phải cấp dưỡng nuôi con chung Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà Chu Thị Kim B trình bày bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D có tài sản chung nhưng bà B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Chu Thị Kim B trình bày bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa ánsố 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Chu Thị Kim B khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 09, 14, 15, 53,81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Kim B đối với ông Văn Tiến D về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng.

Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Chu Thị Kim B và ông Văn Tiến D.

2. Về con chung:

Giao con chung Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011 cho bà Chu Thị Kim B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Ông Văn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung Văn Kiến V – sinh ngày 15/9/2011.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Chu Thị Kim B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Chu Thị Kim B đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007605 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng. Bà Chu Thị Kim B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 27/8/2018); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đinh Xuân Trường